



CẬP NHẬT PHÁP LÝ

THÁNG 11/2024

CONTACT US

 www.likonlaw.com

 inquiries@likonlaw.com

 1st Floor, May Plaza Building, 63D Vo Van Tan,
Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City

LIKON LAW – VIETNAM INTERNATIONAL PRACTICE

*"Legal Professional Knowledge with a Committed
Personal Touch"*

PHẦN 1: CẬP NHẬT PHÁP LÝ THÁNG 11 NĂM 2024

1. NGHỊ ĐỊNH 113/2024/NĐ-CP QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HỢP TÁC XÃ.

Ngày 12/9/2024 Nghị định 113/2024/NĐ-CP được Chính phủ ban hành nhằm hướng dẫn chi tiết một số điều mới của Luật Hợp tác xã, đồng thời tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thuận lợi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cấp; nâng cao hiệu quả các chính sách hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm; qua đó thúc đẩy các tổ chức kinh tế tập thể phát triển năng động, hiệu quả, bền vững; xây dựng hệ sinh thái các tổ chức kinh tế hợp tác mạnh, giúp nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của các thành viên và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Nghị định có hiệu lực từ ngày 1/11/2024 (Bãi bỏ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012; Bãi bỏ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012) với những điểm mới cơ bản như sau:

1.1. Các chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã

Các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã tại các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 15, Điều 16 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP bao gồm 08 chính sách chính, được quy định cụ thể như sau:

a. Chính sách hỗ trợ thông tin

Đối với chính sách này, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đưa ra là tối đa đến 100% kinh phí thực hiện. Mức hỗ trợ cụ thể sẽ do Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét quyết định.

b. Chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn

Đối với chính sách này, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đưa ra là tối đa đến 100% kinh phí thực hiện, áp dụng đối với hoạt động Xây dựng và tăng cường năng lực cho mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm:

- Hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập có liên quan;

- Cá nhân, tổ chức khác tham gia tư vấn cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Mức hỗ trợ cụ thể sẽ do Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét quyết định.

c. Chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả

Đối với chính sách này, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đưa ra là tối đa đến 100% kinh phí thực hiện. Mức hỗ trợ cụ thể sẽ do Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét quyết định.

d. Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Đối với chính sách này, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đưa ra là tối đa đến 100% kinh phí thực hiện. Mức hỗ trợ cụ thể sẽ do Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét quyết định.

e. Chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường

Đối với chính sách này, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đưa ra là tối đa đến 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước; kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm của các tổ chức kinh tế tập thể.

Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài; tổ chức diễn đàn kinh tế tập thể; hỗ trợ việc đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử.

Mức hỗ trợ cụ thể sẽ do Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét quyết định.

g. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị

Nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn tín dụng ưu đãi, nguồn vốn huy động, tài trợ từ cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài.

Vốn đầu tư công hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư của dự án. Nguồn vốn tín dụng ưu đãi, nguồn vốn huy động, tài trợ hợp pháp từ cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

h. Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro

Đối với chính sách này, kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đưa ra là tối đa đến 100% kinh phí thực hiện. Mức hỗ trợ cụ thể sẽ do Bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét quyết định.

i. Chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp

Đối với chính sách này sẽ được thực hiện hỗ trợ theo vốn giống, trang thiết bị ứng dụng khoa học và công nghệ; Hỗ trợ chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu; xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp; xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản...và một số hỗ trợ khác được liệt kê tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.

Trước đây, Luật Hợp tác xã năm 2012 và Nghị định 193/2013/NĐ-CP đã đưa ra một số chính sách hỗ trợ phát triển dành cho hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã.

Tuy nhiên, Nghị định 113/2024/NĐ-CP là văn bản mới nhất, tập trung và cụ thể hóa hơn các quy định về chính sách hỗ trợ, đồng thời bổ sung một số chính sách mới nhằm tăng cường sự phát triển của mô hình hợp tác xã trong bối cảnh kinh tế hiện đại.

1.2. Hợp tác xã được phép vay nội bộ

Điều 19 và Điều 20 Nghị định 113/2024/NĐ-CP đã hướng dẫn và cụ thể hóa “quyền cho vay nội bộ” đối với hợp tác xã, liên hợp tác xã được bổ sung tại khoản 11 Điều 9 Luật Hợp tác xã năm 2023. Đây cũng là một nội dung mới quy định về hoạt động cho vay nội bộ của Hợp tác xã, liên hợp tác xã và chưa từng được áp dụng thời điểm trước đây.

a. Điều kiện

Để hoạt động vay nội bộ được phép tiến hành, Hợp tác xã, liên hợp tác xã cần phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 83 Luật Hợp tác xã năm 2023 và khoản 1 Điều 19 Nghị định 113/2024/NĐ-CP. Cụ thể:

- Nguồn vốn cho vay nội bộ bao gồm: thu nhập còn lại sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế, tài chính khác, xử lý lỗ, trích lập các quỹ và phân phối cho thành viên theo quy định của Luật Hợp tác xã, vốn điều lệ, các nguồn vốn chủ sở hữu khác nhưng tối đa bằng 30% số vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại báo cáo tài chính năm của năm trước liền kề của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi cơ quan quản lý thuế;
- Việc cho vay nội bộ phải được Đại hội thành viên thông qua và quy định trong Điều lệ, trong đó bao gồm các nội dung chính: quản lý, kiểm tra việc cho vay nội bộ; biện pháp

xử lý rủi ro; biện pháp xử lý đền bù thiệt hại đối với các hành vi vi phạm quy định của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong hoạt động cho vay nội bộ gây tổn thất cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Các điều kiện quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 83 Luật Hợp tác xã.

b. Mức cho vay và thời hạn vay

Căn cứ Điều 19 Nghị định 113/2024/NĐ-CP, hoạt động cho vay của hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã được quy định như sau:

- Mức vay tối đa cho mỗi thành viên không được vượt quá 5% số vốn chủ sở hữu dùng cho vay nội bộ, theo quy định tại khoản 2 Điều 19 của Nghị định, giúp tránh rủi ro tập trung tài chính vào một số ít thành viên.
- Thời hạn cho vay tối đa đối với mỗi thành viên là 12 tháng, đảm bảo tính lưu động của nguồn vốn và khả năng quản lý tài chính ngắn hạn của tổ chức (khoản 3 Điều 19 Nghị định 113/2024/NĐ-CP).

Đại hội đồng thành viên có thẩm quyền quyết định mức cho vay, trong khi Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xem xét và quyết định thời hạn cho vay.

b. Lãi suất khoản vay, kỳ hạn thanh toán và gia hạn

Theo Nghị định 113/2024/NĐ-CP, nhằm đảm bảo an toàn tài chính và giảm thiểu rủi ro việc xác định lãi suất cho vay nội bộ của hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã được quản lý chặt chẽ. Đại hội đồng thành viên có thẩm quyền xem xét và quyết định khung lãi suất cho vay nội bộ, trong khi Hội đồng quản trị quyết định mức lãi suất.

- Khung lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm theo quy định tại khoản 4 Điều 19, nhằm giới hạn mức lãi suất cho vay để bảo vệ lợi ích các thành viên. Đối với các khoản vay quá hạn, lãi suất tối đa được áp dụng là 150% so với lãi suất cho vay trong hạn, dựa trên dư nợ gốc được ghi trong hợp đồng.
- Kỳ hạn thanh toán có thể được thỏa thuận linh hoạt theo tháng, quý, hoặc mùa vụ, tạo điều kiện cho các thành viên tùy chỉnh theo dòng tiền và mục đích sử dụng vốn vay. Ngoài ra, thời gian gia hạn nợ tối đa là 12 tháng kể từ khi kết thúc thời hạn cho vay ban đầu.

Các mức lãi suất cho vay nội bộ đối với thành viên phải được niêm yết công khai tại trụ sở Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

1.3. Xử lý tài sản quỹ chung không chia khi hợp tác xã giải thể, phá sản

Căn cứ khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 21 Nghị định 113/2024/NĐ-CP, việc giải quyết các trường hợp phát sinh đối với quỹ chung không chia khi hợp tác, liên hợp tác xã giải thể, phá sản được quy định cụ thể như sau:

- Trường hợp 1: Quỹ chung không chia không còn đầy đủ hồ sơ, tài liệu để xác định nguồn gốc tài sản và tỷ lệ từng loại nguồn vốn hình thành quỹ chung không chia, tài sản chung không chia thì nguồn gốc hình thành và tỷ lệ nguồn vốn hình thành quỹ chung không chia, tài sản chung không chia có nguồn hình thành từ hỗ trợ của Nhà nước được xác định theo văn bản hỗ trợ được lưu của cơ quan chủ quản thực hiện chính sách hỗ trợ.

+ Được xử lý theo quy định tại các khoản 4, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 21 Nghị định 113/2024/NĐ-CP.

+ Thực hiện bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã để chuyển vào ngân sách nhà nước cùng cấp.

- Trường hợp 2: Đối với quỹ chung không chia được hình thành từ các nguồn cụ thể bao gồm:

+ Thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được trích lập hằng năm theo tỷ lệ do Điều lệ quy định;

+ Thu nhập từ giao dịch bên ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; thu nhập từ doanh nghiệp do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập; thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần được trích lập hằng năm theo tỷ lệ do Điều lệ quy định nhưng không thấp hơn: 5% đối với hợp tác xã; 10% đối với liên hiệp hợp tác xã.

+ Thu nhập từ khoản tặng cho, tài trợ hợp pháp

2. THÔNG TƯ 48/2024/TT-NHNN QUY ĐỊNH VỀ VIỆC ÁP DỤNG LÃI SUẤT ĐỐI VỚI TIỀN GỬI BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TẠI TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI.

Ngày 30/9/2024, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 48/2024/TT-NHNN quy định về việc áp dụng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Nghị định có hiệu lực từ ngày 20/11/2024; theo đó, lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín

dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư 48/2024/TT-NHNN, cụ thể:

- Tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức và cá nhân không vượt quá mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 tháng, tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ và đối với từng loại hình tổ chức tín dụng.

- Tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên của tổ chức và cá nhân trên cơ sở cung cầu vốn thị trường.

- Lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam quy định tại Thông tư 48/2024/TT-NHNN bao gồm cả khoản chi khuyến mại dưới mọi hình thức, áp dụng đối với phương thức trả lãi cuối kỳ và các phương thức trả lãi khác được quy đổi theo phương thức trả lãi cuối kỳ.

- Tổ chức tín dụng niêm yết công khai lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại địa điểm giao dịch hợp pháp thuộc mạng lưới hoạt động của tổ chức tín dụng và đăng tải trên trang thông tin điện tử (nếu có) của tổ chức tín dụng.

Tổ chức tín dụng khi nhận tiền gửi không được thực hiện khuyến mại dưới mọi hình thức (bằng tiền, lãi suất và các hình thức khác) không đúng với quy định của pháp luật.

Đối với các thỏa thuận lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam trước ngày Thông tư 48/2024/TT-NHNN có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng và khách hàng tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận cho đến hết thời hạn. Trường hợp hết thời hạn đã thỏa thuận, khách hàng không đến lĩnh tiền gửi, tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất tiền gửi theo quy định tại Thông tư 48/2024/TT-NHNN.

3. NGHỊ ĐỊNH 126/2024/NĐ-CP QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ HỘI

Ngày 8/10/2024, theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ nội vụ, Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 26/11/2024.

3.1. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

Phạm vi áp dụng: Nghị định này quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước đối với hội được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Đối tượng áp dụng: Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, công dân Việt Nam có liên quan đến thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý nhà nước về hội. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về tổ chức, hoạt động của hội khác với Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành đó.

3.2. Giải thích từ ngữ:

1. Hội là tổ chức tự nguyện của tổ chức, công dân Việt Nam cùng lĩnh vực, ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên, của cộng đồng; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, được tổ chức và hoạt động theo Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

2. Không vì mục tiêu lợi nhuận được hiểu là hội không có mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, nếu có phát sinh lợi nhuận trong quá trình hoạt động của hội thì không được phân chia cho hội viên mà chỉ để dùng cho các hoạt động theo điều lệ của hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

3. Cơ sở dữ liệu về hội là tập hợp thông tin phục vụ chức năng quản lý nhà nước về hội và hoạt động của các hội nhằm lưu trữ và chia sẻ thông tin về các hội.

3.3. Điều kiện thành lập hội từ ngày 26/11/2024

So với quy định trước đây, Điều 10 Nghị định 126/2024 đã bổ sung và chi tiết hóa các điều kiện để thành lập hội. Với quy định hiện hành, có tổng cộng 07 điều kiện, cụ thể như sau:

a. Điều kiện về tên gọi của hội

Theo quy định trước đây tại Nghị định 45/2010 thì tên gọi của hội chỉ cần đảm bảo không trùng lặp. Nghị định 126/2024 đã sửa đổi và bổ sung điều kiện về tên gọi của hội như sau:

- Viết bằng tiếng Việt hoặc phiên âm theo tiếng Việt, nếu không phiên âm ra được tiếng Việt thì dùng tiếng nước ngoài; tên gọi riêng của hội có thể được phiên âm, dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;
- Phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của hội;
- Không trùng lặp toàn bộ tên gọi hoặc gây nhầm lẫn, bao trùm tên gọi với các hội khác đã được thành lập hợp pháp trước đó;
- Không vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa dân tộc.

b. Lĩnh vực hoạt động

Lĩnh vực hoạt động chính không trùng lặp với lĩnh vực hoạt động chính của hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trong cùng phạm vi hoạt động.

c. Các điều kiện khác

- Có tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động phù hợp quy định pháp luật.
- Có điều lệ, trừ trường hợp nghị quyết đại hội của hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã có cùng tên gọi, lĩnh vực hoạt động chính và là hội viên tổ chức của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc, thống nhất thừa nhận điều lệ của hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc.
- Có trụ sở đặt tại Việt Nam trong phạm vi hoạt động của hội và có địa chỉ cụ thể, rõ ràng.
- Có đủ số lượng tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác. Số lượng tổ chức, công dân Việt Nam được quy định chi tiết tại khoản 6 Điều 10 Nghị định 126/2024.
- Có tài sản để đảm bảo hoạt động của hội.

Xem chi tiết tại Nghị định 126/2024/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 26/11/2024 và thay thế Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010, Nghị định 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012.

4. THÔNG TƯ SỐ 17/2024/TT-BTNMT QUY ĐỊNH KỸ THUẬT ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH THIỆT HẠI VÀ LẬP HỒ SƠ BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI VỀ MÔI TRƯỜNG DO SỰ CỐ TRÀN DẦU XẢY RA TRONG VÙNG BIỂN VIỆT NAM

4.1. Giới thiệu

Ngày 15/11/2024, Thông tư số 17/2024/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường chính thức có hiệu lực, quy định về Điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại môi trường do sự cố tràn dầu trên biển. Thông tư này cung cấp các hướng dẫn chi tiết, khoa học và pháp lý nhằm xử lý các sự cố tràn dầu trên biển, từ đó đưa ra những biện pháp khắc phục thiệt hại môi trường một cách chính xác, công bằng, và hợp lý.

4.2. Các bước điều tra, đánh giá thiệt hại môi trường do sự cố tràn dầu trên biển

Bước 1: Lập kế hoạch điều tra, đánh giá thiệt hại môi trường do sự cố tràn dầu trên biển

Đây là bước đầu tiên và rất quan trọng trong quy trình xử lý sự cố tràn dầu. Kế hoạch được lập ngay sau khi sự cố xảy ra, để đảm bảo rằng công tác điều tra được thực hiện một cách bài bản, đầy đủ. Kế hoạch này phải xác định rõ các nội dung: a) Thông tin chung về căn cứ lập kế hoạch, mục đích, yêu cầu, phạm vi, thời gian thực hiện; tổng quan khu vực xảy ra sự cố tràn dầu; b) Nội dung, phương pháp điều tra, đánh giá mức độ ô nhiễm phục vụ đánh giá thiệt hại về môi trường do sự cố tràn dầu trên biển; c) Phương pháp thực hiện; d) Thời gian, tiến độ thực hiện.

Bước 2: Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu phục vụ điều tra, đánh giá thiệt hại môi trường

Công tác thu thập thông tin là bước thiết yếu để có thể thực hiện điều tra chính xác. Các dữ liệu cần thu thập bao gồm thông tin về tổ chức, cá nhân gây ra sự cố; thông tin về khu vực bị ô nhiễm, tác động của sự cố đến các hệ sinh thái, và các loại hình động vật, thực vật bị ảnh hưởng. Dữ liệu thu được cần đảm bảo các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư này, và phải được thẩm định theo quy định của pháp luật.

Bước 3: Điều tra, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường

Tiến hành điều tra, đánh giá để xác định phạm vi, diện tích, v.v. của khu vực môi trường nước biển, khu vực môi trường trầm tích, đất ven biển, thành phần hệ sinh thái bị ô nhiễm do sự cố tràn dầu. Các thông tin mức độ ô nhiễm thu được phục vụ đánh giá thiệt hại về môi trường do sự cố tràn dầu trên biển.

Bước 4: Đánh giá thiệt hại về môi trường

Nội dung đánh giá thiệt hại về môi trường do sự cố tràn dầu bao gồm:

- Phạm vi, diện tích và độ sâu, thể tích khu vực bị ô nhiễm, suy thoái với phương pháp quy định tại Điều 8, 9, và 10 của Thông tư này.
- Số lượng thành phần môi trường bị suy giảm, các loại hình hệ sinh thái, các loài bị thiệt hại
- Mức độ thiệt hại của từng thành phần môi trường, hệ sinh thái, các loài

Bước 5: Thẩm định kết quả điều tra và xác định thiệt hại

Sau khi thực hiện điều tra và đánh giá thiệt hại, kết quả cần được thẩm định lại để đảm bảo tính chính xác và khách quan. Việc thẩm định kết quả điều tra thiệt hại về môi trường do sự cố tràn dầu trên biển thực hiện theo quy định tại Điều 114 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

4.4. Đối tượng bị thiệt hại do sự cố tràn dầu gây ra

Theo quy định tại Thông tư 17/2024/TT-BTNMT, các đối tượng chính bị thiệt hại từ sự cố tràn dầu trên biển bao gồm:

Thành phần môi trường: Môi trường nước biển, trầm tích biển và đất ven biển, nơi bị ảnh hưởng bởi sự cố tràn dầu.

Hệ sinh thái: Rừng ngập mặn, hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái cỏ biển

Các loài động vật, thực vật phân bố tại Việt Nam bị chết thuộc danh mục: Các loài đặc biệt, quý, hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng, bao gồm các loài động vật, thực vật hoang dã được liệt kê trong các Phụ lục của CITES và các loài động vật, thực vật rừng, biển thuộc các nhóm nguy cấp theo quy định pháp luật Việt Nam.

PHẦN 2: DANH SÁCH VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ HIỆU LỰC THÁNG 11/2024

STT	SỐ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	LOẠI VĂN BẢN	CƠ QUAN BAN HÀNH	TÊN VĂN BẢN
1	111/2024/NĐ-CP	06/09/2024	01/11/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 111/2024/NĐ-CP quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.
2	113/2024/NĐ-CP	12/09/2024	01/11/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 113/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.
3	117/2024/NĐ-CP	18/09/2024	15/11/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 117/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.
4	118/2024/NĐ-CP	30/09/2024	15/11/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 118/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi hành án hình sự.

5	120/2024/NĐ-CP	30/09/2024	15/11/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 120/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỡ hợp pháp Việt Nam.
6	124/2024/NĐ-CP	05/10/2024	20/11/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định số 124/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.
7	125/2024/NĐ-CP	05/10/2024	20/11/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 125/2024/NĐ-CP quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.
8	126/2024/NĐ-CP	08/10/2024	26/11/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 126/2024/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.
9	129/2024/NĐ-CP	10/10/2024	30/11/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 129/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 91/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.
10	53/2024/TT-BQP	17/09/2024	01/11/2024	Thông tư	Bộ Quốc phòng	Thông tư 53/2024/TT-BQP quy định điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.
11	16/2024/TT-BTC	16/09/2024	04/11/2024	Thông tư	Bộ Tài chính	Thông tư 16/2024/TT-BTC quy định về bảo quản và hủy bỏ giếng khoan dầu khí, thu dọn công trình dầu khí.
12	15/2024/TT-BTNMT	20/09/2024	06/11/2024	Thông tư	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thông tư 15/2024/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Thông tư quy định định mức kinh

						tế - kỹ thuật thuộc lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý.
13	12/2024/TT-BTTTT	23/09/2024	07/11/2024	Thông tư	Bộ Thông tin và Truyền thông	Thông tư 12/2024/TT-BTTTT quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thông tin và Truyền thông.
14	11/2024/TT-BTTTT	23/09/2024	07/11/2024	Thông tư	Bộ Thông tin và Truyền thông	Thông tư 11/2024/TT-BTTTT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in, Thông tư số 05/2016/TT-BTTTT ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng mã số sách tiêu chuẩn quốc tế, Thông tư số 22/2018/TT-BTTTT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu trong lĩnh vực in, phát hành xuất bản phẩm và Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 20/2021/TT-BTTTT ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).
15	11/2024/TT-BGDĐT	18/09/2024	04/11/2024	Thông tư	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thông tư 11/2024/TT-BGDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức tư vấn học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập.

16	69/2024/TT-BTC	01/10/2024	15/11/2024	Thông tư	Bộ Tài chính	Thông tư 69/2024/TT-BTC quy định danh mục hàng hóa, dịch vụ áp dụng mua sắm tập trung cấp quốc gia.
17	47/2024/TT-NHNN	30/09/2024	20/11/2024	Thông tư	Ngân hàng nhà nước	Thông tư 47/2024/TT-NHNN sửa đổi khoản 3 Điều 3 Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
18	48/2024/TT-NHNN	30/09/2024	20/11/2024	Thông tư	Ngân hàng nhà nước	Thông tư 48/2024/TT-NHNN quy định về việc áp dụng lãi suất đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
19	17/2024/TT-BTNMT	30/09/2024	15/11/2024	Thông tư	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thông tư 17/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá, xác định thiệt hại và lập hồ sơ bồi thường thiệt hại về môi trường do sự cố tràn dầu xảy ra trong vùng biển Việt Nam.
20	46/2024/TT-NHNN	30/09/2024	20/11/2024	Thông tư	Ngân hàng nhà nước	Thông tư 46/2024/TT-NHNN quy định về việc áp dụng lãi suất đối với tiền gửi bằng đô la Mỹ của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
21	11/2024/TT-BTP	24/09/2024	08/11/2024	Thông tư	Bộ Tư pháp	Thông tư 11/2024/TT-BTP quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng đối với chức danh nghề nghiệp Đăng ký biện pháp bảo đảm.
22	10/2024/TT-BTP	24/09/2024	08/11/2024	Thông tư	Bộ Tư pháp	Thông tư 10/2024/TT-BTP quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Đăng ký biện pháp bảo đảm.
23	18/2024/TT-BTNMT	01/10/2024	15/11/2024	Thông tư	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Thông tư 18/2024/TT-BTNMT ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác xác định hàm lượng một số nguyên tố hóa học bằng phương pháp phân tích hóa

						học than, phương pháp nung luyện và phương pháp quang phổ phát xạ plasma cảm ứng (ICP-OES).
24	17/2024/TT-BCT	08/10/2024	25/11/2024	Thông tư	Bộ Công thương	Thông tư 17/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-BCT ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc tạm ngừng kinh doanh chuyển khẩu, kinh doanh tạm nhập gổ dán vào Việt Nam để tái xuất sang Hoa Kỳ.
25	70/2024/TT-BTC	01/10/2024	15/11/2024	Thông tư	Bộ Tài chính	Thông tư 70/2024/TT-BTC quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
26	06/2024/TT-BKHCN	30/09/2024	15/11/2024	Thông tư	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thông tư 06/2024/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.
27	20/2024/TT-BCT	10/10/2024	26/11/2024	Thông tư	Bộ Công thương	Thông tư 20/2024/TT-BCT quy định phương pháp lập khung giá phát điện của nhà máy điện chất thải rắn và nhà máy điện sinh khối.
28	15/2024/TT-BCT	06/09/2024	01/11/2024	Thông tư	Bộ Công thương	Thông tư 15/2024/TT-BCT quy định một số nội dung về thanh tra chuyên ngành Công Thương.
29	1203/NQ-UBTVQH15	28/09/2024	01/11/2024	Nghị quyết	Ủy ban thường vụ Quốc hội	Nghị quyết 1203/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023 - 2025.

30	1192/NQ-UBTVQH15	28/09/2024	01/11/2024	Nghị quyết	Ủy ban thường vụ Quốc hội	Nghị quyết 1192/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ giai đoạn 2023 - 2025.
31	1193/NQ-UBTVQH15	28/09/2024	01/11/2024	Nghị quyết	Ủy ban thường vụ Quốc hội	Nghị quyết 1193/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2023 - 2025.
32	1194/NQ-UBTVQH15	28/09/2024	01/11/2024	Nghị quyết	Ủy ban thường vụ Quốc hội	Nghị quyết 1194/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025.
33	1195/NQ-UBTVQH15	28/09/2024	01/11/2024	Nghị quyết	Ủy ban thường vụ Quốc hội	Nghị quyết 1195/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023 - 2025.
34	1196/NQ-UBTVQH15	28/09/2024	01/11/2024	Nghị quyết	Ủy ban thường vụ Quốc hội	Nghị quyết 1196/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2023 - 2025.
35	1197/NQ-UBTVQH15	28/09/2024	01/11/2024	Nghị quyết	Ủy ban thường vụ Quốc hội	Nghị quyết 1197/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lào Cai giai đoạn 2023 - 2025.
36	1198/NQ-UBTVQH15	28/09/2024	01/11/2024	Nghị quyết	Ủy ban thường vụ Quốc hội	Nghị quyết 1198/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023 - 2025.
37	1199/NQ-UBTVQH15	28/09/2024	01/11/2024	Nghị quyết	Ủy ban thường vụ Quốc hội	Nghị quyết 1199/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025.